TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ -ST
Ngày: 06/3/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC - T□NH THANH H□A

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Ngọc Lâm
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Trung Thành
2. Ông Bùi Đức Hoàn.

- Th- ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc *tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 06/3/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2017 về việc*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 23/01/2017 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A –** Sinh năm 1985
Nơi ĐKNKTT: Làng D, xã C, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
Chổ ở hiện nay: Thôn E, xã F, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - sinh năm 1984
Địa chỉ: Làng D, xã C, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh B không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 16/10/2017 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ngọc Lặc vào ngày 07/7/2016.

Qúa trình vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 tháng và sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B có tính ghen vô cớ, trong khi đó mẹ đẻ anh B và vợ cũ của anh B thường xuyên gây sự rồi chửi mắng, xúc phạm

chị, thậm chí còn xúi giục anh B chửi mắng, đánh đập chị trong khi chị không có lỗi gì. Thời gian đầu khi mâu thuẫn vợ chồng mới xảy ra chị cũng đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng anh B vẫn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, bất kỳ ở đâu và thời gian nào. Vì vậy, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 10/2017 chị mang con về bên ngoại ở Thôn E, xã F ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh B.

Về con chung : Chị và anh B có 01 con chung: cháu Phạm Ngân C – Sinh ngày 09/4/2014. Ly hôn, nguyện vọng của chị xin đ- ợc trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp d- ỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn B:

Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc đã tống đạt nhiều lần giấy triệu tập đ- ơng sự hợp lệ cho anh B, yêu cầu anh đến Tòa án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn anh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nh- ng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự lần 1 của TAND huyện Ngọc Lặc cho anh B và đồng thời thông báo cho anh B biết đúng 08h00 ngày 03/11/2017 có mặt tại trụ sở Toà án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn đối với anh, nh- ng anh B không đến Tòa án và cũng không có lý do.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự lần 2 của TAND huyện Ngọc Lặc cho anh B và đồng thời thông báo cho anh B biết đúng 08h00 ngày 08/11/2017 có mặt tại trụ sở Toà án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn đối với anh, nh- ng anh B vắng mặt không có lý do.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự lần 3 của TAND huyện Ngọc Lặc cho anh B và đồng thời thông báo cho anh B biết đúng 14h00 ngày 20/11/2017 có mặt tại trụ sở Toà án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn đối với anh, nh- ng anh B vắng mặt không có lý do.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 202/2017/TB – NL ngày 13/11/2017 của TAND huyện Ngọc Lặc cho anh B; đồng thời thông báo cho anh B biết đúng 08h00 ngày 24/11/2017 có mặt tại trụ sở Toà án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn đối với anh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nh- ng anh B vắng mặt không có lý do.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017 Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/11/2017 của TAND huyện Ngọc Lặc cho anh B; đồng thời thông báo cho anh B biết đúng 08h00 ngày 13/12/2017 có mặt tại trụ sở Toà án để trình bày về việc chị A có đơn xin ly hôn đối với anh và tham gia phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nh- ng anh B vắng mặt không có lý do. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh B và lập biên bản không tiến hành hòa giải được do đương sự vắng mặt lần hai tại phiên hòa giải.

Ngày 25/01/2018 Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 04 ngày23/01/2018 và giấy triệu tập đ- ơng sự của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc cho anh B và thông báo cho anh biết đúng 09h30 ngày 05/02/2018 phải có mặt tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc để tham gia tố tụng tại phiên toà.

Ngày 05/02/2017 anh B vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên toà số 01/2018/QĐST – HNGĐ ngày 05/02/2018.

Toà án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên toà cho anh B và thông báo cho anh biết đúng 13h30 ngày 06/3/2018 phải có mặt tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc để tham gia tố tụng tại phiên toà, nhưng anh B vắng mặt lần hai tại phiên tòa không có lý do.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/01/2018 đối với bà Phạm Thị Thơm – mẹ đẻ anh Phạm Văn B trình bày: Vào tháng 07/2016 sau khi anh Phạm Văn B ly hôn vợ cũ, gia đình bà đã tổ chức xây dựng gia đình cho anh B và chị Nguyễn Thị A, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ngọc Lặc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình bà tại Làng D, xã C. Qúa trình vợ chồng chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không sắp xếp được việc nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu là con riêng của anh B và 01 cháu là con chung của anh chị. Đến tháng 09/2017 chị A đã mang cháu C cùng đồ đạc về bên mẹ đẻ của chị A ở, từ đó đến nay chị A không quay trở về gia đình bà; gia đình bà và anh B có đến gia đình chị A để thuyết phục chị A quay về đoàn tụ, chung sống cùng anh B nhưng không có kết quả. Nay chị A có đơn xin ly hôn anh B, gia đình mong muốn anh chị quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị A cương quyết ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 01 con chung cháu Phạm Ngân C – sinh ngày 09/4/2014. Nếu anh chị ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giao cháu cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị A có điều kiện tốt nhất để chăm sóc cho cháu C.

Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng D, xã C cung cấp như sau: Anh Phạm Văn B lấy chị Nguyễn Thị A vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Ngọc Lặc năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa pA không nắm được, anh chị không báo gì với địa pA; địa pA có nắm được từ tháng 10/2017 chị A đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở xã F, huyện Ngọc Lặc ở và từ đó đến nay không thấy chị A quay lại gia đình nhà chồng. Nay chị A có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa pA: Đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ, nếu chị A cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Hiện nay theo địa pA nắm được thì anh B

đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của vợ cũ. Về tài sản, công nợ chung: Địa pA không nắm được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

Tại phiên toà hôm nay chị A vẫn giữ nguyên quan điểm xin đ- ợc ly hôn anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh B đã đ- ợc triệu tập hợp lệ lần 2 nh- ng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn B.

[2]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau từ năm 2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Chị A cho rằng nguyên nhân là do anh B có tính ghen vô cớ, trong khi đó mẹ đẻ anh B và vợ cũ của anh B thường xuyên gây sự rồi chửi mắng, xúc phạm chị, thậm chí còn xúi giục anh B chửi mắng, đánh đập chị trong khi chị không có lỗi gì. Thời gian đầu khi mâu thuẫn vợ chồng mới xảy ra chị cũng đã cố gắng chịu đựng để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng anh B vẫn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, bất kỳ ở đâu và thời gian nào. Vì vậy, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tháng 10/2017 chị mang con về bên ngoại ở Thôn E, xã F ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Đối với anh B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần và tại phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh B có thái độ bỏ mặc và không có thiện chí đoàn tụ cùng chị A. Nay chị A yêu cầu được ly hôn anh B.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ- ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị A. Xử cho chị Nguyễn Thị A đ- ợc ly hôn với anh Phạm Văn B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Chị A, anh B có 01con chung: cháu Phạm Ngân C – sinh ngày 09/4/2014. Ly hôn, chị A có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị; do anh B thường xuyên vắng mặt

tại gia đình, nên việc giao con cho anh B không đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu và gia đình anh B cũng đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; mặt khác hiện nay anh B đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là con riêng của anh B. Như vậy việc giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của cháu. Sau này anh B có nguyện vọng nuôi con thì anh sẽ yêu cầu bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Cháu Phạm Ngân C - sinh ngày 09/4/2014 là con chung của chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn B. Giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A.

Anh B có quyền thăm nom con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0003905 ngày 18/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, chị A đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Các đ□ơng sự;*
- *VKS huyện Ngọc Lặc;*
- *Chi cục THA DS huyện Ngọc Lặc;*
- *UBND xã C, huyện Ngọc Lặc;*
- *TAND tỉnh Thanh hóa*;
- *L□u hồ sơ./.*

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**